

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/LĐ-ST

Ngày: 27-12-2017

V/v đơn phương chấm dứt hợp
đồng lao động

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yên
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử công khai vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số 33/2017/TLST-LĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ng Th H N, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Long Hòa 2, Long Kiên, Chợ Mới, An Giang; địa chỉ tạm trú: Số 1, khu phố A, phường B, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Tr D D, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 19, đường Ng, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH N C T; địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà B H T Tr, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 2, Đường 3, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Ông L Th T, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 1 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tr D D trình bày:

Bà N bắt đầu vào làm việc tại Công ty TNHH N C T (sau đây gọi tắt là Công ty C T) từ ngày 05 tháng 3 năm 2013. Sau đó bà N tiếp tục làm việc tại công ty, đến ngày 05/4/2015, Công ty C T ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với bà N theo Hợp đồng số 093661/4/HĐ, thỏa thuận mức lương và phụ cấp trước khi Công ty cho nghỉ việc là 4.505.000 đồng/tháng. Vào khoảng đầu tháng 10/2016 phía Công ty C T đã di dời máy móc, trang thiết bị và công nhân qua địa điểm Công ty TNHH S làm việc. Đến ngày 29/10/2016, Công ty thông báo sẽ kết thúc hợp đồng lao động với bà N vào ngày 31/10/2016 (theo thông báo ngày 25/10/2016) vì Công ty giải thể. Nhận thấy hành vi chia tách của Công ty C T không thực hiện lập phương án lao động theo quy định tại Điều 45 của Bộ luật Lao động đã vi phạm Điều 15 của Nghị định số 05/2015/NĐCP ngày 12/01/2015 ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà N.

Căn cứ vào phụ lục hợp đồng số 093661/PLHĐ ngày 05/3/2016 do bị đơn cung cấp thể hiện mức lương căn bản và các khoản phụ cấp khác mà nguyên đơn được lãnh là 5.005.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn thanh toán các khoản do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo mức lương căn bản và các phụ cấp khác theo Hợp đồng lao động số 093661/4/HĐ ngày 05/4/2015 là 4.505.000 đồng/tháng, cụ thể:

- Bồi thường tiền lương trong những ngày bà N không được làm việc từ ngày 01/11/2016 đến ngày 27/12/2017 là 62.550.192 đồng.
- Bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định là 9.010.000 đồng.
- Bồi thường tiền lương do vi phạm thời gian báo trước là 7.797.115 đồng.
- Truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian bà N không được làm việc tại Công ty.
- Nhận bà N trở lại làm việc theo vị trí và mức lương, phụ cấp trước đây.

Tổng số tiền Công ty TNHH N C T phải bồi thường cho bà Ng Th H N là 79.357.307 đồng.

Trước đây, nguyên đơn có đơn yêu cầu đưa Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương và Công ty TNHH S vào vụ kiện với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xin rút và không đưa Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương và Công ty TNHH S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng lao động giữa bà N và Công ty C T; danh sách nhân viên không được làm việc tại Công ty S; danh sách công nhân viên làm việc tại Công ty S; giấy ủy quyền ngày 26/6/2017.

Theo bản tự khai ngày 01/7/2017 của ông H S Moo và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà B H T Tr, ông L Th T trình bày:

Công ty TNHH N C T thống nhất với nguyên đơn về thời gian làm việc, thời gian ký kết hợp đồng, mức lương, phụ cấp lương theo hợp đồng lao động và phụ lục hợp đồng, thời gian thông báo cho người lao động, quyết định cho người lao động nghỉ việc.

Với tất cả yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý vì bị đơn không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn. Nguyên nhân Công ty cho nguyên đơn nghỉ việc là do Công ty có quyết định giải thể vào ngày 25/10/2016. Khi có quyết định giải thể thì Công ty có niêm yết quyết định giải thể và thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động tại cổng xưởng Công ty là phù hợp với Bộ luật Lao động, Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư.

Khoảng ngày 15/4/2016 Công ty có nộp hồ sơ làm thủ tục chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, theo nội dung hồ sơ dự án Công ty chấm dứt vào ngày 15/7/2016. Sau đó Công ty nhận được Quyết định 20/QĐ-SKHĐT ngày 28/4/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương ký, quyết định có hiệu lực kể từ ngày 28/4/2016.

Vào ngày 01/11/2016 Công ty đã ra quyết định thôi việc đối với bà N, theo đó tiền lương và các khoản phải trả cho bà N theo hợp đồng lao động đã được Công ty trả đầy đủ vào ngày 10/11/2016. Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp hết ngày 31/10/2016 cho bà N. Ngày 18/11/2016 Công ty đã nộp hồ sơ cho Bảo hiểm xã hội Bình Dương để chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà N. Ngày 25/11/2016 Bảo hiểm xã hội Bình Dương trả sổ bảo hiểm xã hội của bà N cho Công ty và như đã thông báo cho bà N từ trước, Công ty trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà N vào ngày 01/12/2016. Do Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà N theo Điều 36 Bộ luật Lao động nên Công ty không phải báo trước cho người lao động khoảng thời gian theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động.

Do đó, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ, tài liệu bị đơn cung cấp: Bản tự khai của ông H S Moo; hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng lao động giữa bà N và Công ty C T; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và điều lệ của Công ty TNHH N C T; giấy ủy quyền ngày 05/7/2017; giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp ngày 01/11/2016; thông báo về việc giải thể doanh nghiệp ngày 02/11/2016; giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 02/11/2016; quyết định của Hội đồng thành viên của Công ty TNHH N C T ngày 25/10/2016; phụ lục phương án giải quyết nợ; phụ lục thanh lý tài sản; biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty TNHH N C T; Quyết định số 20/QĐ-SKHĐT ngày 28/4/2016 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương; thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư ngày 15/4/2016; thông báo về việc giải thể Công ty ngày 25/10/2016; giấy ủy nhiệm chi; danh sách chi trả lương tháng 10/2016; phiếu hạch toán; phiếu đề nghị thanh toán; thông báo kết quả đóng bảo

hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tháng 11/2016; quyết định thôi việc ngày 01/11/2016; danh sách trả bảo hiểm xã hội tháng 12/2016.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ một phần nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về việc buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền lương trong những ngày không được làm việc; 02 tháng tiền lương theo Điều 42 Bộ luật Lao động; bồi thường tiền lương do vi phạm thời gian báo trước và đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn. Riêng yêu cầu về việc buộc bị đơn phải nhận nguyên đơn trở lại làm việc là không có căn cứ nên không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà N khởi kiện về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với Công ty TNHH N C T có trụ sở tại: Khu phố B, phường B, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu: Ngày 01/11/2016 xảy ra tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, ngày 27/6/2017 người khởi kiện nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nên vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[3] Trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu xin rút đề nghị đưa Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương và Công ty TNHH S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét thấy, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương và Công ty TNHH S không liên quan trong vụ án nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Nguyên đơn bà Ng Th H N khởi kiện cho rằng do Công ty C T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với bà nên bà khởi kiện yêu

cầu buộc Công ty phải bồi thường tiền lương trong những ngày bà không được làm việc từ ngày 01 tháng 11 năm 2016 đến ngày 27/12/2017 là 62.550.192 đồng; bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định là 9.010.000 đồng; bồi thường tiền lương do vi phạm thời gian báo trước là 7.797.115 đồng; truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian bà không được làm việc tại Công ty; nhận bà trở lại làm việc theo vị trí và mức lương, phụ cấp trước đây. Tổng số tiền Công ty phải bồi cho bà N là 79.357.307 đồng. Bị đơn thì cho rằng bị đơn không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với nguyên đơn. Nguyên nhân Công ty cho nguyên đơn nghỉ việc là do Công ty giải thể. Khi có quyết định giải thể Công ty đã niêm yết quyết định giải thể và thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động tại công xưởng Công ty là phù hợp pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, tại biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty số 15/BBHĐTV ngày 15/4/2016 của Hội đồng thành viên Công ty; Quyết định số 15/QĐHĐTV ngày 15/4/2016 quyết định chấm dứt dự án đầu tư và quyết định giải thể thanh lý dự án đầu tư; Quyết định số 20/QĐ-SKHĐT ngày 28/4/2016 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương quyết định chấm dứt hoạt động dự án nhà máy sản xuất hàng may mặc của Công ty TNHH N C T. Công ty C T đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận chấm dứt hoạt động dự án nhà máy sản xuất hàng may mặc của Công ty; Biên bản họp số 25/BBHĐTV và Quyết định số 26/QĐHĐTV cùng ngày 25/10/2016 của Hội đồng thành viên Công ty với nội dung quyết định giải thể Công ty C T, thông qua các phương án thanh lý hợp đồng, xử lý nợ, các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng, phương án thanh lý tài sản Công ty, thành lập ban thanh lý tài sản của Công ty. Tại Điều 4 về phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động, Công ty xác định còn sử dụng 180 lao động và sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết khác để chấm dứt hợp đồng lao động chậm nhất đến ngày 15/11/2016 theo quy định của pháp luật về lao động; cùng ngày, Công ty đã ra thông báo cho người lao động biết Công ty sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với công nhân viên Công ty kể từ ngày 01/11/2016. Công ty đã ra quyết định và giải quyết các chế độ cho người lao động vào ngày 01/11/2016. Nay, bị đơn cho rằng, bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn là theo Điều 36 Bộ luật Lao động do Công ty giải thể nên Công ty không phải thông báo trước cho người lao động khoảng thời gian theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động. Tuy nhiên, thời điểm ngày 01/11/2016 Công ty chưa thông báo đến cơ quan có thẩm quyền quản lý việc đăng ký kinh doanh, chưa nộp hồ sơ, con dấu theo quy định tại Điều 204 Luật Doanh nghiệp, chưa được cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận việc giải thể theo Điều 59 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp nhưng lại tự xác định đã chấm dứt hoạt động để chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động là trái quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 205 Luật Doanh nghiệp, thì sau khi có quyết định giải thể doanh nghiệp nghiêm cấm doanh nghiệp chấm dứt hợp đồng đã có hiệu lực pháp luật. Xét, hợp đồng lao động giữa bà N và Công ty C T là hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động

thì khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà N, Công ty phải thông báo trước cho bà N biết trước ít nhất 45 ngày. Như vậy, ngày 25/10/2016 Công ty C T ra quyết định giải thể số 26. Cùng ngày, Công ty thông báo sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với bà N từ ngày 01/11/2016 là mới báo trước có 06 ngày, là đã vi phạm quy định về thời gian báo trước nên việc Công ty cho bà N nghỉ việc chưa đảm bảo về thời gian báo trước là thuộc trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Căn cứ vào Phụ lục hợp đồng số 093661/PLHD ngày 05/3/2016 do bị đơn cung cấp thể hiện mức lương căn bản và các khoản phụ cấp khác mà nguyên đơn được lãnh là 5.005.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán theo mức lương căn bản và các phụ cấp khác theo Hợp đồng lao động số 093661/4/HĐ ngày 05/4/2015 là 4.505.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào mức lương 4.505.000 đồng/tháng để giải quyết.

Do Công ty C T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với bà N nên Công ty phải thanh toán tiền lương trong những ngày bà N không được làm việc từ ngày 01/11/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/12/2017 là 62.550.192 đồng; 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 9.010.000 đồng; tiền lương vi phạm thời gian báo trước là 7.797.115 đồng. Tổng cộng Công ty C T phải bồi thường cho bà N là 79.357.307 đồng và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trên cơ sở mức lương theo hợp đồng lao động đã ký kết.

Đối với yêu cầu nhận bà N trở lại làm việc, do bị đơn đang làm thủ tục giải thể, không còn hoạt động sản xuất kinh doanh nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N về việc buộc Công ty C T nhận bà N trở lại làm việc.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 32; Điểm c Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 38; Điều 41; Điều 42; Điều 202 Bộ luật Lao động; Điều 202, Điều 204, Điều 205 Luật Doanh nghiệp.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ng Th H N đối với bị đơn Công ty TNHH N C T về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

2. Buộc Công ty TNHH N C T bồi thường cho bà Ng Th H N số tiền 79.357.307 đồng (bảy mươi chín triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn ba trăm lẻ bảy đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc Công ty TNHH N C T và bà Ng Th H N có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật tại cơ quan bảo hiểm xã hội thị xã Thuận An từ ngày 01/11/2016 đến ngày 27/12/2017 theo mức trong hợp đồng lao động đã ký kết.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Ng Th H N về việc buộc Công ty TNHH N C T nhận bà N trở lại làm việc.

4. Về án phí: Công ty TNHH N C T phải chịu 2.380.719 đồng (hai triệu ba trăm tám mươi ngàn bảy trăm mười chín đồng)

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bạch Tuyết